

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS - ST  
Ngày: 24 – 10 – 2019  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Công Trường

2. Ông Nguyễn Thế Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về: “Kiện đòi tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Đặng Vũ Y, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Hoàng Minh T, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A ấp R, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ làm việc: Chợ M, nay là X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Thành L, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà H và bà T do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 31 tháng 7 năm 2008 bà T có hỏi mượn tiền bà H, cũng trong ngày này bà H đã giao số tiền 270.000.000 đồng cho ông Y là chồng bà T, việc giao nhận tiền này có viết giấy nợ, không có thời hạn thanh toán, không ghi mức lãi suất. Đến ngày 18 tháng 8

năm 2008 bà T bỏ đi khỏi địa phương. Đến đầu tháng 10 năm 2008 bà T quay về địa phương thì bà H có đến nhà bà T để đòi lại khoản nợ trên nhưng bà T không trả vì bà T không có tiền. Trong khi đó bà T con nợ bà H tiền hụi chết đã hốt của là 330.000.000 đồng.

Tất cả các khoản nợ mà bà T thiếu bà H là 600.000.000 đồng cả tiền vay và tiền hụi chết. Từ năm 2008 đến năm 2010 bà T có thanh toán cho được 4 tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng tiền lãi, việc trả lãi này không lập chứng từ.

Đến ngày 26/3/2010 bà Nguyễn Hoàng Minh T và ông Đặng Vũ Y đã lập giấy vay tiền để hợp thức hóa hai khoản nợ của vợ chồng ông bà thiếu bà H. Nội dung giấy vay tiền là bà T và ông Y vay của bà H số tiền 600.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày lập giấy vay; lãi suất không ghi nhận; không có tài sản cầm cố.

Đến khoảng năm 2012 bà T đã thanh toán cho bà H số tiền 20.000.000 đồng. Từ thời điểm năm 2012 cho đến nay bà T và ông Y không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho bà H. Mặc dù bà H đã nhiều lần đòi tiền vợ chồng bà T. Vì vậy ông Y chồng bà Tú có hứa bán được ngôi nhà ở xã Châu Pha sẽ thanh toán cho bà H tiền nợ, nhưng đến nay bà T và ông Y đã bán ngôi nhà của ông bà ở xã Châu Pha vào năm 2018, bà T và ông Y vẫn không thanh toán cho bà H đồng nào.

Việc bà T và ông Y vay mượn tiền của bà H, nguồn tiền là tài sản chung của vợ chồng bà H. Khi bà H cho ông Y và bà T vay chồng bà H là ông L không biết, mãi đến sau này bà H làm thủ tục khởi kiện sự việc trên ra Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thì ông L mới biết.

Vì bà Nguyễn Hoàng Minh T và ông Đặng Vũ Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại giấy vay tiền lập ngày 26/3/2010 nên bà Nguyễn Thị H khởi kiện lên Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu bà Nguyễn Hoàng Minh T và ông Đặng Vũ Y phải thanh toán cho bà H số tiền nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật như sau: Tiền gốc là 580.000.000đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng); Tiền lãi trên nợ gốc tính từ ngày 26/3/2010 đến thời điểm khởi kiện là ngày 13/3/2019 là 615.384.576 đồng, căn cứ tính ra khoản lãi trên bà H sẽ làm bảng giải trình gửi cho Tòa án sau buổi làm việc hôm nay. Tổng cộng số tiền bà H yêu cầu bà T và ông Y phải thanh toán cho bà H là 1.195.384.576đ (Một tỷ, ba trăm tám mươi tư ngàn, năm trăm bảy mươi sáu đồng).

Vào ngày 01 tháng 8 năm 2019 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H đã rút yêu cầu tính lãi đối với bà Nguyễn Hoàng Minh T và ông Đặng Vũ Hoài. Bà H xác định lại chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu buộc bà Nguyễn Hoàng Minh T và ông Đặng Vũ Y phải thanh toán số tiền còn nợ của bà là 580.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 26 tháng 3 năm 2010.

*Vào ngày 05 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình làm việc tại Tòa bị đơn ông Đặng Vũ Y trình bày:*

Vào khoảng năm 2007 vợ chồng ông là Đặng Vũ Y và Nguyễn Hoàng Minh T do làm ăn thua lỗ nên bị bế nợ. Thời gian này bà T có nợ tiền một số

người trong đó có bà Nguyễn Thị H, bà T có nợ tiền hụi của bà H. Đến ngày 26/3/2010 bà H yêu cầu ông lập giấy vay nợ bà H với số tiền là 600.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; không có tài sản thế chấp nhằm chốt lại tiền hụi bà T đã nợ bà H trước đó. Ông không nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà H. Ông không biết bà T nợ bà H số tiền cụ thể bao nhiêu vì bà T không nói, do vợ chồng ông bị phá sản nên vợ chồng ông có ghi giấy nợ cho bà H để yên ổn làm ăn. Lúc đầu viết giấy vay nợ thì chỉ có một mình ông ký vì bà T đã đi nơi khác, sau này ông không biết bà T ký vào giấy vay nợ trên vào thời gian nào.

Từ khi viết giấy vay tiền vợ chồng ông có trả được cho bà H số tiền 20.000.000 đồng. Ngoài ra bà T có trả góp hàng năm cho bà H đến nay được khoảng 300.000.000 đồng. Khi trả tiền góp không lập văn bản chứng từ vì cô cháu tin tưởng nhau.

Do đó qua yêu cầu khởi kiện của bà H ông không đồng ý. Giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất. Ông chỉ chấp nhận thanh toán số tiền vợ chồng ông còn nợ là 280.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

*Vào ngày 05 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình làm việc tại Tòa bị đơn bà Nguyễn Hoàng Minh T trình bày:*

Trước năm 2008 bà T xác nhận có mượn tiền bà H và tiền hụi chết nhưng không đến số tiền 600.000.000 đồng. Khi bà bị bể nợ vào giữa năm 2008 bà T có bỏ đi khỏi địa phương một thời gian. Trong thời gian bà T bỏ đi bà H có uy hiếp ông Y buộc ông phải viết giấy nhận nợ bà H số tiền 600.000.000 đồng để bà H khởi thưa bà T ra pháp luật. Đến ngày 26/3/2010 bà H đã dùng giấy nợ cũ này để buộc vợ chồng bà T viết lại giấy vay nợ mới vào ngày 26/3/2010 để hợp thức hóa cho giấy vay nợ một mình ông Y ký vào năm 2008. Bà T nghĩ thời điểm này ông Y chồng bà cũng chấp nhận việc có nợ tiền bà H nên bà cũng đã ký tên vào giấy vay tiền, thời hạn vay là 12 tháng, số tiền vay là 600.000.000 đồng theo giấy nợ cũ, không lãi suất, không tài sản thế chấp.

Bên cạnh đó theo bà T, giữa bà và bà H đã thỏa thuận miệng với nhau không có người chứng kiến là mỗi tháng bà sẽ góp 2.000.000 đồng cho bà H, bà đã thực hiện việc góp tiền này cho bà H hàng tháng kể từ ngày viết giấy vay nợ, nhưng bên cạnh việc góp tiền thì bà H có lấy hàng hóa cản trừ nợ trong 4 năm. Theo bà, việc góp tiền hàng tháng và tiền hàng đã đủ để nợ cho bà H nên bà không đồng ý trả nợ nữa.

Việc góp tiền hàng tháng và việc bà H lấy hàng hóa của bà để trừ nợ không có người làm chứng, không có lập văn bản chứng từ cho việc trả góp tiền nợ nên bà không thể cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan theo nội dung Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ mà Tòa đã gửi cho bà.

Sau một thời gian ngưng góp tiền nợ bà H đã thuê giang hồ đến chỗ bà buôn bán nhằm gây áp lực buộc vợ chồng bà phải thanh toán thêm cho bà H số tiền 20.000.000 đồng để bà H đóng tiền học cho con bà.

Theo bà T, khi bà giao đủ 20.000.000 đồng cho bà H, thì vợ chồng bà và bà H có làm biên nhận thanh toán nợ xong. Giấy thanh toán nợ bà T không còn giữ, do thiếu hiểu biết pháp luật nên bà T chỉ biết thời gian có hiệu lực là 2 năm, nên quá hai năm khi dọn dẹp nhà cửa bà đã rút giấy biên nhận này đi.

Khi lập biên nhận xóa nợ không có người chứng kiến, ông Y không biết việc này. Lúc thỏa thuận thanh toán nợ xong, bà T không lấy lại giấy vay nợ từ bà H do nghĩ rằng giấy nợ này đã quá hai năm kể ngày lập nên không còn hiệu lực pháp luật nên bà T không đòi lại.

Vì những lý do đã khai ở trên nên bà T khẳng định bà có nợ tiền bà H theo giấy vay nợ là 600.000.000 đồng nhưng bà và bà H đã thỏa thuận đã thanh toán đủ tiền nợ cho bà H.

Qua đó, bà T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc vợ chồng bà T phải thanh toán cho bà số tiền cả gốc và lãi là 1.195.384.576đ (Một tỷ, ba trăm tám mươi tư ngàn, năm trăm bảy mươi sáu đồng).

*Trong quá trình làm việc tại Tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Thành L trình bày:*

Vào ngày 26/3/2010 bà H cho vợ chồng ông Đặng Vũ Y và bà Nguyễn Hoàng Minh T vay 600.000.000 đồng. Số tiền mà bà H cho vợ chồng ông Đặng Vũ Y và bà Nguyễn Hoàng Minh T vay là tiền chung của gia đình. Khi bà H cho vợ chồng bà T vay ông không biết.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Vũ Y và bà Nguyễn Hoàng Minh T phải thanh toán số tiền còn nợ cho vợ chồng ông là 580.000.000 đồng. Ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết và xét xử vụ án trên vì ông không nắm rõ nội dung bà H cho vợ chồng bà T và ông Y vay tiền. Ông nhất trí với phần trình bày của bà H trong vụ án này.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng:*

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm về cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự, cụ thể: thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Qua trình bày của đương sự, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Hoàng Minh T và ông Đặng Vũ Y có nợ bà Nguyễn Thị H số tiền 580.000.000 đồng do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H buộc vợ chồng bà T và ông Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền trên; vì tại phiên tòa bà H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đối với bà T và ông Y, điều này là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng:** Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn bà Nguyễn Hoàng Minh T và ông Đặng Vũ Y có địa chỉ tại thị xã Phú Mỹ; nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1] Về hình thức của hợp đồng:** Giấy vay tiền được xác lập giữa bà Nguyễn Thị H, ông Đặng Vũ Y và bà Nguyễn Hoàng Minh T vào ngày 26/3/2010 có chữ ký của bà H, ông Y và bà T tuy không được công chứng, chứng thực nhưng pháp luật không yêu cầu phải công chứng chức thực vì vậy hình thức hợp đồng được xác lập giữa bà H, ông Y và bà T là có giá trị pháp luật.

**[2.2] Về số tiền nợ:**

Theo xác nhận của bà Nguyễn Thị H, ông Đặng Vũ Y và bà Nguyễn Hoàng Minh T thì vào ngày 26/3/2010 bà Nguyễn Hoàng Minh T và ông Đặng Vũ Y có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 600.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày vay; tiền lãi không thỏa thuận, không có tài sản thế chấp cho khoản vay.

Bà H cho rằng bà T và ông Y đã thanh toán cho bà H số tiền 20.000.000 đồng. Nay số tiền mà bà H yêu cầu bà T và ông Y phải thanh toán cho bà là 580.000.000 đồng.

Tuy nhiên ông Y cho rằng hiện nay vợ chồng ông chỉ còn nợ bà H số tiền khoảng 280.000.000 đồng, vì vợ chồng ông góp tiền hàng tháng cho bà H, việc góp tiền này không có lập văn bản và không có người làm chứng.

Còn bà T thì cho rằng bà và bà H đã thỏa thuận thanh toán nợ xong, không còn nợ bà H khoản nào vì bà đã thanh toán cho bà H 20.000.000 đồng và tiền góp hàng tháng cùng với việc bà H lấy hàng hóa của bà để cân trừ nợ trong vòng 4 năm; việc thỏa thuận thanh toán xong nợ có lập chứng từ nhưng bà đã bỏ mất vì đã quá lâu và việc thỏa thuận thanh toán xong nợ không có người làm chứng.

Ông Y và bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình là có cơ sở mặc dù Tòa án đã yêu cầu ông bà cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh lời khai trên, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai nại trên của bà T và ông Y.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc vợ chồng ông Đặng Vũ Y và bà Nguyễn Hoàng Minh T phải thanh toán cho bà H số tiền còn nợ là 580.000.000 đồng.

**[2.3] Về yêu cầu tính lãi:** Bà H đã rút toàn bộ yêu cầu vào ngày 01 tháng 8 năm 2019 và tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

### **[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Hoàng Minh T và ông Đặng Vũ Y phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H là phù hợp; cụ thể ông Y và bà T phải nộp số tiền án phí là: 20.000.000 đồng + 180.000.000 đồng x 4% = 27.200.000 đồng;

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 471, 474 và 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Đặng Vũ Y và bà Nguyễn Hoàng Minh T về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đặng Vũ Y và bà Nguyễn Hoàng Minh T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền: 580.000.000đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị H đối với ông Đặng Vũ Y và bà Nguyễn Hoàng Minh T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Vũ Y và bà Nguyễn Hoàng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 27.200.000đ (Hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 23.930.000đ (Hai mươi ba triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008514 ngày 06/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hồng Thái**